SỞ GD&ĐT BẮC GIANG
TRUNG TÂM NN HƯƠNG HƯƠNG

考试（七）
考试时间：15 分钟

姓名：.....
班级：.....

分数	教师的评价

一、 连接词语 Nối các từ sau với phiên âm và nghĩa sao cho đúng（25 分）

1.苹果	A: gěi	a: như thế nào
2.售货员	B: yào	b: tổng cộng
3.水果	C: guì	c: táo
4.一共	D: măi	d: mua
5.给	E: zěnme	e: muốn, cần
6.贵	F: mài	f: đắt
7.卖	G: píngguǒ	g: bán
8.买	H: shòuhuòyuán	h: cho
9.要	I: yígòng	i: nhân viên bán hàng
10.怎么	K: shuǐguǒ	k: hoa quả

1-_____2-_____3-_____ 4-_____5-_____

6-_____7-_____8-_____ 9-_____10-_____

二、写汉字 Viết chữ Hán chính xác（20 分）

1. 这种水果叫香 jiāo _____
2. 我们的 Jiào 室在二楼 _____
3. 我很喜欢吃西红 shì _____
4. 我要买一百 kuài 葡萄 _____

三，读后按要求答题 Đọc và chọn đáp án đúng/trả lời câu hỏi（40 分）

我很喜欢吃水果，特别是苹果和葡萄。每个星期我都要去超市一或者两次。今天苹果五十块一斤，太贵了，我不要买。我买了一斤葡萄和两瓶牛奶，一共四十六块。回家以后，看到妈妈给我带回来五颗苹果，我很高兴。

1. “我”喜欢吃什么水果？

A.香蕉　　B. 西红柿　　C. 苹果和葡萄

LIVEWORKSHEETS

2. 今天苹果多少钱一斤？

A. 五块　　B. 五十块　　C. 四十六块

3. 为什么他不买苹果？

A. 太贵了

B. 很喜欢吃水果

C. 妈妈给他买了

4. 他买葡萄和什么？

A. 啤酒

B. 牛奶

C. 苹果

四，看图，用词造句 Nhìn hình, dùng từ đặt câu（15 分）

1. 

喜欢

_____

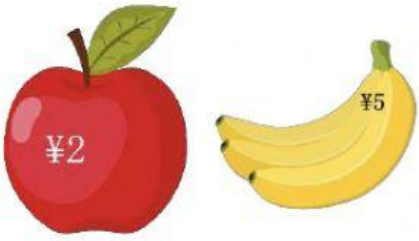
_____

2. 

50 块---太….了

_____

_____

3. 

一共

_____

_____

LIVEWORKSHEETS